



MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘNG CƠ HỌC TẬP VÀ TÂM LÝ VƯỢT KHÓ TRONG HỌC TẬP ĐẾN CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU SINH VIÊN KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

Huỳnh Đình Lê Thu¹

¹Trường Đại học An Giang, ĐHQG-HCM

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 10/12/2019

Ngày nhận kết quả bình duyệt:
07/02/2020

Ngày chấp nhận đăng:
01/2021

Title:

Learning motivation, psychological hardiness in learning and quality of student college life: a study on students of the Faculty of Economics - Business Administration, An Giang university

Keywords:

Learning motivation, psychological hardiness in learning, quality of college life, An Giang University

Từ khóa:

Động cơ học tập, tâm lý vượt khó trong học tập, chất lượng sống sinh viên, Trường Đại học An Giang

ABSTRACT

The purpose of this research is to examine factors including value of perceptions (functional value - practicality of degree, image value, epistemic value, emotional value, functional value expenses/quality, social value), learning motivation and psychological hardiness in learning affecting student's quality of college life in the Faculty of economics - business administration, An Giang university. Data were collected from 320 students. EFA and SEM were used to evaluate the reliability of scale and theoretical testing models. The results show that learning motivation had a statistically significant positive impact on quality of college life and psychological hardiness in learning had statistically significant positive impacts on both quality of college life and learning motivation.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này xem xét mối quan hệ của các yếu tố động cơ học tập và tâm lý vượt khó trong học tập đến chất lượng sống của sinh viên và tâm lý vượt khó trong học tập đến động cơ học tập của sinh viên khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh Trường Đại học An Giang. Dữ liệu được thu thập từ 320 sinh viên. Phương pháp phân tích EFA, cấu trúc tuyến tính SEM được dùng để đánh giá độ tin cậy của thang đo và kiểm định mô hình lý thuyết. Kết quả cho thấy, động cơ học tập có tác động cùng chiều có ý nghĩa thống kê đến chất lượng sống của sinh viên và tâm lý vượt khó trong học tập có tác động cùng chiều có ý nghĩa thống kê đến cả chất lượng sống của sinh viên và động cơ học tập của sinh viên.

1. GIỚI THIỆU

Các nghiên cứu về giáo dục đại học đã phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế (Lê Thị Thu Diễm và cs., 2018). Kobasa (1979) nghiên cứu về áp lực cuộc sống, tính cách và sức khỏe tác động đến tâm lý vượt

khó. Young và cs. (2003) đã nghiên cứu tác động của các yếu tố công nghệ, thói quen học tập, phương pháp giảng dạy và hành vi của sinh viên ảnh hưởng đến hiệu quả học tập. Kết quả nghiên cứu của Cole và cs. (2004) cho thấy có mối quan hệ giữa tâm lý vượt khó trong học tập của sinh

viên và động cơ học tập và Tharenou (2001) tìm thấy mối quan hệ giữa động cơ học tập và kết quả học tập. Ngoài ra, Rowold (2007) cho thấy động cơ học tập cao hơn giúp cải thiện khả năng áp dụng kiến thức và kỹ năng vào môi trường làm việc của họ. Maddi (2002) lập luận rằng tâm lý vượt khó, bằng cách tăng cường khả năng của các cá nhân, để biến các thách thức thành các cơ hội hấp dẫn của các hoạt động khác, góp phần vào chất lượng sống. Sirgy và cs. (2007) xây dựng và xác nhận một thước đo Chất lượng cuộc sống Đại học (QCL) liên quan cụ thể đến kinh nghiệm của trường đại học. Trang và Tho. (2010) nghiên cứu các yếu tố tác động đến hiệu quả học tập của sinh viên tại Việt Nam. Và gần đây nhất, Tho và cs. (2011) nghiên cứu mối quan hệ giữa tâm lý vượt khó và chất lượng sống của sinh viên kinh doanh tại Việt Nam; Lê Thị Thu Diễm và cs. (2018) nghiên cứu mối quan hệ giữa khả năng vượt khó và chất lượng cuộc sống của sinh viên khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Trà Vinh. Tuy nhiên, chúng ta vẫn còn thiếu vắng các nghiên cứu kiểm định thang đo này tại Trường Đại học An Giang, cụ thể cho sinh viên ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh.

Vai trò quan trọng của các trường đại học ở Việt Nam là đào tạo những sinh viên tốt nghiệp ngành kinh doanh hội đủ phẩm chất, kỹ năng và kiến thức thực tế để cung cấp và đáp ứng cho thị trường lao động (Tho, 2009). Hiểu được nhu cầu thị trường lao động của sinh viên tốt nghiệp có trình độ, Trường đại học An Giang đang phấn đấu nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của mình. Để đạt được điều này, nhà trường đã tạo ra nhiều áp lực hơn cho sinh viên bởi vì các tiêu chuẩn về trình độ dành cho sinh viên tại các trường đại học đang gia tăng, hiện tại họ phải hoàn thành nhiều bài tập và bài kiểm tra để hoàn thành chương trình trong thời gian học tập.

Tác giả ghi nhận vai trò của các nhân tố tâm lý vượt khó trong học tập, động cơ học tập trong việc xác định chất lượng sống của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học An Giang. Dựa trên kết quả, tác giả đề xuất nhà

trường cần bổ sung thêm các tiêu chuẩn cao hơn để nâng cao chất lượng sống sinh viên bằng cách nâng cao động cơ học tập, tâm lý vượt khó trong học tập của sinh viên trong ngành Quản trị kinh doanh. Với những cải tiến trong các yếu tố quyết định đến chất lượng sống sinh viên sẽ giúp sinh viên có thể vượt qua thách thức đặt ra bởi các tiêu chuẩn ngày càng cao hơn. Từ những lập luận trên, việc nghiên cứu các yếu tố tâm lý vượt khó trong học tập, động cơ học tập, chất lượng sống sinh viên là vô cùng quan trọng nhằm tìm ra các nhân tố chính ảnh hưởng đến chất lượng sống của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh trong quá trình học tập tại Trường Đại học An Giang, và đề xuất một số hàm ý quản trị cho Ban Giám hiệu Trường Đại học An Giang nhằm nâng cao chất lượng sống và hiệu quả học tập của sinh viên.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này xem xét các mối quan hệ giữa chất lượng sống của sinh viên (QCL), tâm lý vượt khó trong học tập và động cơ học tập của sinh viên ngành kinh tế - quản trị kinh doanh tại trường Đại học An Giang. Một mô hình khái niệm được mô tả trong Hình 1. Trong mô hình này, tâm lý vượt khó trong học tập có cả tác động trực tiếp và gián tiếp (qua trung gian là động cơ học tập) đối với chất lượng cuộc sống của sinh viên Trường Đại học An Giang.

2.1 Cơ sở lý luận

- Chất lượng sống của sinh viên

Chủ đề sự hài lòng về cuộc sống, niềm hạnh phúc và chất lượng cuộc sống là những khái niệm đã thu hút các nhà nghiên cứu trong nhiều năm qua (ví dụ, Cummins 2010; Cummins & Nistico, 2002; Sirgy và cs., 2007). Chất lượng sống là một khái niệm đa chiều đã được đo bằng nhiều cách khác nhau (Vaez và cs., 2004; Zullig và cs., 2009). Khái niệm này có thể được định nghĩa theo mức độ hài lòng của cuộc sống tổng thể (ví dụ, Vaez và cs., 2004; Verbrugge & Asconi, 1987) hoặc nó có thể tập trung vào các khía cạnh cụ thể của cuộc sống. Nghiên cứu về QCL có thể được chia thành

hai hướng chính: nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến QCL và nghiên cứu về cách đo lường QCL (Posadzki và cs., 2009; Sirgy và cs., 2007; Zullig và cs., 2009). Bài viết của tác giả đóng góp cho hướng nghiên cứu đầu tiên; tác giả kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến QCL của sinh viên ngành quản trị kinh doanh tại Trường Đại học An Giang. Dựa theo Tho và cs., (2011) định nghĩa chất lượng sống của sinh viên là sự hài lòng của sinh viên về việc trải nghiệm hệ thống giáo dục của trường đại học trong thời gian học tập và sống tại trường. Nghiên cứu của Cha (2003) chứng minh **có mối quan hệ dương** giữa chất lượng sống của sinh viên và các yếu tố thuộc về đặc điểm cá nhân như: lạc quan, lòng tự trọng. Tương tự Chow (2005) cũng kết luận các yếu tố kinh tế xã hội, kinh nghiệm học tập và điều kiện sống cũng ảnh hưởng đến chất lượng sống của sinh viên. Maddi (2002) cho rằng sinh viên có tâm lý vượt khó trong học tập sẽ nhận thấy những áp lực, khó khăn trong quá trình học và xem đó là cơ hội để phát triển kỹ năng cho bản thân.

- Động cơ học tập

Theo Pintrich (2003) khái niệm động cơ được dùng để giải thích vì sao con người hành động, duy trì hành động của họ và giúp họ hoàn thành công việc. Trang và Tho (2010) cho rằng động cơ giúp quá trình thiết lập và làm gia tăng chất lượng của quá trình nhận thức và điều này sẽ dẫn đến thành công. Có nhiều mô hình về động cơ, tuy nhiên ba yếu tố tổng quát sau đây hiện diện trong hầu hết các mô hình về động cơ. Thứ nhất là kỳ vọng dùng để biểu thị niềm tin về khả năng hay kỹ năng để hoàn thành công việc của con người. Thứ hai là giá trị dùng để thể hiện niềm tin về tầm quan trọng, sự thích thú, và lợi ích của công việc. Thứ ba là cảm xúc dùng để thể hiện cảm xúc của con người thông qua phản ứng mang tính cảm xúc về công việc.

Theo Noe (1986), động cơ học tập của sinh viên được định nghĩa là lòng ham muốn tham dự và học tập những nội dung của môn học hay chương trình học. Trong giáo dục, sự khác biệt về khả

năng cũng như động cơ học tập của sinh viên ảnh hưởng đến hiệu quả học tập cũng như giảng dạy (Zeithaml và cs., 1996; Parasuraman và cs., 1994). Động cơ học tập nâng cao thành tích học tập bởi vì sinh viên có động lực cao để phát triển các chiến lược học tập hiệu quả hơn và thể hiện cam kết cao hơn đối với tích lũy kiến thức và kỹ năng (Blumenfeld và cs., 2006; Trang và Tho, 2010). Nghiên cứu của Tho và cs. (2011) kết luận rằng, động cơ học tập có mối quan hệ cùng chiều đến chất lượng sống của sinh viên. Dựa trên kết quả nghiên cứu của Tho và cs. (2011) giả thuyết được đặt ra như sau:

H₁: Động cơ học tập có mối quan hệ cùng chiều với chất lượng sống sinh viên.

- Tâm lý vượt khó trong học tập

Căng thẳng có thể tạo ra các vấn đề tâm lý và có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của con người khi làm việc và học tập. Để vượt qua những thách thức do căng thẳng gây ra, con người cần phải có tâm lý mạnh mẽ. Theo Maddi (2002) và Bitner (1992), tâm lý vượt khó được định nghĩa là sự cam kết, khả năng kiểm soát và sự thử thách trong cuộc sống của con người, trong đó sự cam kết được xem là bản thân cố gắng làm việc dù gặp vấn đề khó khăn; khả năng kiểm soát được xem là khả năng cảm nhận và hành động của bản thân khi có những việc bất ngờ xảy ra trong cuộc sống; sự thử thách được hiểu là bản thân tin tưởng rằng trong cuộc sống sự thay đổi sẽ tốt hơn sự ổn định, và dự đoán sự thay đổi đi theo xu hướng tích cực.

Nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục chỉ ra rằng quá trình học tập tại trường đại học là một trong nhiều nguyên nhân gây căng thẳng (ví dụ: Cole và cs., 2004; Furr và cs., 2001). Khi sống tại trường đại học, sinh viên không chỉ tập trung hoàn thành các hoạt động học tập như: đọc, hoàn thành bài tập, dự án và thi, mà còn phải quản lý các vấn đề cá nhân như: tài chính, công việc bán thời gian và hoạt động xã hội. Tâm lý vượt khó khăn trong học tập đóng một vai trò quan trọng trong quá trình học tập. Sinh viên có tâm lý vượt khó cao sẽ dành thời gian và nỗ lực của họ trong học tập. Họ cảm

thấy và hành động như thể họ có ảnh hưởng và chào đón những thay đổi xảy ra trong cuộc sống của họ tại trường đại học.

Maddi (1999) cho rằng: tâm lý vượt khó có thể giúp bản thân nâng cao khả năng làm việc và đạt thành công; đồng thời tâm lý vượt khó cũng giúp bản thân xem những việc khó khăn là bình thường và giải quyết chúng một cách hiệu quả, hoặc những việc khó khăn này là cơ hội để bản thân trải nghiệm và phát triển kỹ năng. Sinh viên thường gặp khó khăn và áp lực trong quá trình học, do đó những sinh viên có tâm lý vượt khó tốt thì có khả năng chuyển những khó khăn và áp lực trong quá trình học thành niềm vui, đam mê và có thể xem là động lực để phấn đấu đạt được mục tiêu trong học tập. Khi sinh viên có khả năng vượt qua áp lực trong học tập thì họ sẽ nhận thức được vai trò của giảng viên, bạn bè trong học tập và trong cuộc sống. Các kết quả nghiên cứu của Cole và cs. (2004), Furr và cs. (2011) và Maddi (1999) đều tìm thấy mối quan hệ cùng chiều giữa tâm lý

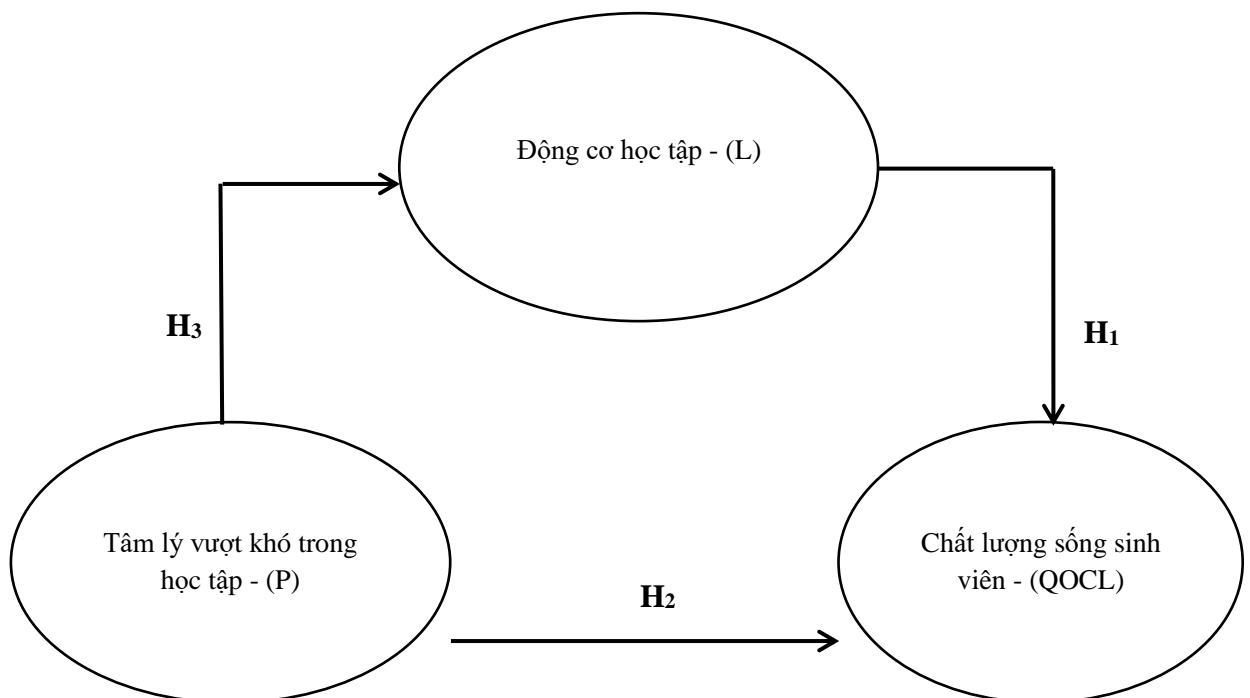
vượt khó của sinh viên và chất lượng cuộc sống. Tương tự, nghiên cứu của Tho và cs., (2011) kết luận rằng, tâm lý vượt khó có tác động cùng chiều đến chất lượng sống của sinh viên và động cơ học tập của sinh viên. Kết quả nghiên cứu của Lê Thị Thu Diễm và cs., (2018) cũng cho thấy khả năng vượt khó có mối quan hệ cùng chiều với chất lượng cuộc sống đại học. Do đó, giả thuyết được đề xuất như sau:

H₂: Tâm lý vượt khó trong học tập có mối quan hệ cùng chiều với chất lượng sống sinh viên.

H₃: Tâm lý vượt khó trong học tập có mối quan hệ cùng chiều với động cơ học tập của sinh viên.

B. Mô hình nghiên cứu

Từ cơ sở lý thuyết nêu trên, mô hình nghiên cứu được đề xuất. Hình 1 mô tả mối quan hệ giữa động cơ học tập và tâm lý vượt khó trong học tập đối với chất lượng sống của sinh viên.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

(Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả)

-Phương pháp nghiên cứu:

Nghiên cứu sơ bộ được thực hiện thông qua phương pháp thảo luận tay đôi với 20 sinh viên năm 3 và 4 đang học khối ngành kinh tế tại Trường Đại học An Giang. Nghiên cứu chính thức được thực hiện thông qua kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi với phương pháp lấy mẫu thuận tiện, đối tượng phỏng vấn là sinh viên năm 3 và 4 đang học khối ngành kinh tế tại Trường Đại học An Giang. Kích thước mẫu là $n = 320$. Phương pháp phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM (Structural Equation Modeling) được sử dụng để kiểm định mô hình lý thuyết cùng với các giả thuyết. Thang đo trong nghiên cứu này kế thừa từ các nghiên cứu trước nhưng có điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với thực tế nghiên cứu:

Động cơ học tập, tâm lý vượt khó trong học tập và chất lượng sống sinh viên kế thừa của Tho và cs. (2011). Các thang đo sử dụng dạng Likert 5 mức độ tương ứng với mức “hoàn toàn không đồng ý” = 1 và “hoàn toàn đồng ý” = 5.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Đặc điểm mẫu khảo sát

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phi xác suất với kỹ thuật lấy mẫu thuận tiện, đối tượng khảo sát là sinh viên năm 3 và 4 đang theo học các ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng, kinh tế quốc tế tại Trường Đại học An Giang. Chúng tôi thu được 350 phiếu khảo sát, trong đó có 320 phiếu hợp lệ được dùng để xử lý. Đặc điểm mẫu như trong Bảng 1:

Bảng 1. Thống kê mẫu nghiên cứu

	Tiêu chí	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	106	33,1%
	Nữ	214	66,9%
	Tổng	320	100
Ngành học	Quản trị kinh doanh	75	23,4%
	Kế toán	55	17,2%
	Tài chính ngân hàng	55	17,2%
	Tài chính doanh nghiệp	75	23,4%
	Kinh tế quốc tế	60	18,8%
	Tổng	300	100
Khóa học	Năm 3	190	59,4% %
	Năm 4	172	40,6%
	Tổng	300	100
Kết quả học tập	Trung bình	137	42,8%
	Khá	170	53,1%
	Giỏi	13	4,1%
	Tổng	320	100

(Nguồn: tính toán của tác giả)

3.2 Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Kết quả đánh giá các thang đo bằng Cronbach’s Alpha (Bảng 2) cho thấy các thang đo đều đạt độ tin cậy (Cronbach’s Alpha > 0,6) và các hệ số

trương quan biến - tổng đều đạt ($\geq 0,3$). Tất cả các biến quan sát còn lại của các thang đo đều thỏa mãn điều kiện để phân tích EFA.

Bảng 2. Kết quả Cronbach’s Alpha của các thang đo

STT	Nhân tố	Ký hiệu	Số biến quan sát	Cronbach’s Alpha	Hệ số tương quan biến – tổng nhỏ nhất
1	Động cơ học tập	L	5	0,852	0,540
2	Tâm lý vượt khó trong học tập	P	6	0,778	0,441
3	Chất lượng sống sinh viên	QOCL	3	0,777	0,516

(Nguồn: tính toán của nhóm tác giả)

3.3 Phân tích nhân tố khám phá EFA

Phân tích nhân tố được thực hiện với phép trích Principle Component, phép xoay Varimax cho 38 biến quan sát. Phân tích nhân tố cho thấy hệ số KMO = 0,815 đạt yêu cầu (>0,05); mức ý nghĩa

của kiểm định Bartlett = 0,000 (>0,05); tổng phương sai trích được là 60,360%; hệ số tải nhân tố đều > 0,5 nên đạt yêu cầu. Thang đo chính thức sau khi xử lý EFA gồm 13 biến quan sát (bỏ L5) như trong Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả EFA khi loại biến có trọng số nhỏ

Mã hóa	Biến quan sát	Nhân tố		
		1	2	3
P5	Khi cần thiết tôi sẵn sàng làm việc cật lực để đạt được mục tiêu trong học tập.	0,748		
P3	Tôi thích những thách thức của việc học tài liệu mới.	0,748		
P1	Tôi có thể vượt qua những khó khăn trong học tập tại trường đại học.	0,677		
P6	Nhìn chung, tâm lí vượt khó trong học tập của tôi là rất cao.	0,665		
P4	Tôi thích các khóa học không thể đoán trước được.	0,623		
P2	Tôi điều hòa hầu hết mọi thứ xảy ra với tôi tại trường đại học.	0,595		
L4	Tôi cố gắng hết mình để nghiên cứu các tài liệu khóa học.		0,869	
L3	Đầu tư nghiên cứu các tài liệu khóa học là ưu tiên hàng đầu của tôi.		0,854	
L2	Tôi dành nhiều thời gian cho việc học tập.		0,837	
L1	Tôi cố gắng nghiên cứu càng nhiều tài liệu từ khóa học càng tốt.		0,696	
QOCL2	Được học tại Trường Đại học An Giang là một trải nghiệm tuyệt vời nhất đối với tôi.			0,871
QOCL3	Nhìn chung, chất lượng sống tại Trường Đại học An Giang là rất cao.			0,855

QOCL1	Xem xét tất cả mọi thứ, tôi hoàn toàn hài lòng với việc học của tôi tại Trường Đại học An Giang			0,676
Cronbach's Alpha		0,852	0,778	0,777
Eigenvalue		4,174	2,111	1,562

(Nguồn: tính toán của tác giả)

3.4 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Các thang đo khái niệm nghiên cứu trước tiên được đánh giá bằng hệ số tin cậy Cronbach' alpha và tiếp tục được kiểm định (độ tin cậy tổng hợp, tính đơn nguyên, giá trị hội tụ, và giá trị phân biệt) thông qua phương pháp phân tích nhân tố khẳng định CFA (Confirmatory Factor Analysis). Phương pháp phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM (Structural Equation Modeling) được sử

dụng để kiểm định mô hình lý thuyết cùng với các giả thuyết. Phương pháp ước lượng là maximum likelihood. Phân tích Cronbach' alpha (Bảng 4) cho thấy các biến đạt yêu cầu về tương quan biến tổng, thang đo của các nhân tố động cơ học tập, tâm lý vượt khó trong học tập và chất lượng sống sinh viên đều thỏa mãn yêu cầu về độ tin cậy Cronbach alpha (từ 0,777 đến 0,852).

Bảng 4. Bảng tóm tắt kết quả kiểm định thang đo

Khái niệm	Số biến quan sát	Độ tin cậy			Giá trị
		Cronbach	Tổng hợp	Phương sai trích (%)	
Động cơ học tập	4	0,852	0,858	0,604	Đạt yêu cầu
Tâm lý vượt khó trong học tập	6	0,778	0,782	0,564	
Chất lượng sống sinh viên	3	0,777	0,791	0,476	

Kết quả CFA cho thấy mô hình đo lường đạt được độ tương thích với thị trường: $\chi^{2[96]} = 126,860$ ($p = 0,000$); GFI = 0,938; CFI= 0,941; và RMSEA = 0,068. Trong đó, thang đo động cơ học tập, tâm lý vượt khó trong học tập, chất lượng sống sinh viên đều đạt được tính đơn hướng. Hơn nữa, các trọng số (λ_i) chuẩn hóa đều đạt tiêu chuẩn cho phép ($\geq 0,50$) và có ý nghĩa thống kê các giá trị $p = 0,000$ (xem Hình 2). Vì vậy, các thang đo này đều đạt giá trị hội tụ. Bình phương hệ số tương quan giữa các khái niệm nghiên cứu động cơ học tập, tâm lý vượt khó trong học tập và chất lượng sống sinh viên đều nhỏ hơn phương sai trích tương ứng. Như vậy các yếu tố động cơ học tập, tâm lý vượt khó trong học tập và chất lượng

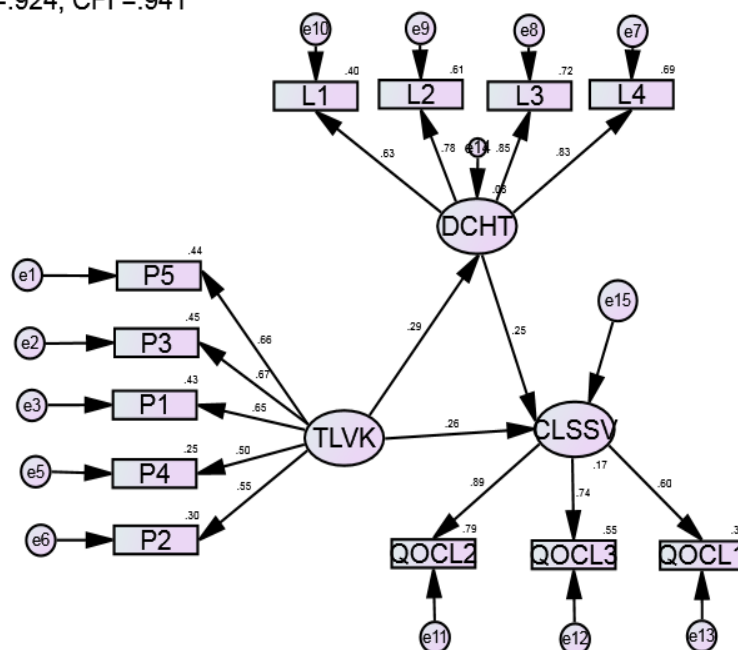
sống sinh viên thỏa điều kiện cần và đủ về giá trị phân biệt (Fornell & Larcker, 1981).

Kết quả SEM (Hình 2) cho thấy mô hình này đạt độ tương thích với thị trường: $\chi^{2[96]} = 126,860$ ($p = 0,000$); GFI = 0,938; CFI= 0,941; và RMSEA = 0,068. Thêm vào đó, không có giả thuyết nào bị bác bỏ. Động cơ học tập tác động cùng chiều có ý nghĩa thống kê đến chất lượng sống sinh viên ($H_1: \beta = 0,251$; $p = 0,000$). Phù hợp với giả thuyết H_2 và H_3 , tâm lý vượt khó trong học tập có tác động cùng chiều có ý nghĩa thống kê đến lên cả chất lượng sống ($H_2: \beta = 0,259$; $p = 0,000$) và động cơ học tập của sinh viên ($H_3: \beta = 0,290$; $p = 0,000$).

Bảng 5. Kết quả kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa các khái niệm trong mô hình nghiên cứu (chưa chuẩn hóa)

Mối quan hệ	Ước lượng	se	cr	p
TLVK--> DCHT	0,408	0, 100	4,077	0,006
TLVK --> CLSSV	0,354	0, 100	3,557	0,000
DCHT --> CLSSV	0,245	0, 064	3,796	0,000

Chi-square=126.860; df=51; P=.000
 Chi-square/df=2.487
 GFI=.938 ; TLI=.924; CFI =.941
 RMSEA=.068



Hình 2. Kiểm định SEM mô hình nghiên cứu (chuẩn hóa)

4. HÀM Ý QUẢN TRỊ

Nghiên cứu này xem xét các tác động trực tiếp và gián tiếp của yếu tố tâm lý vượt khó trong học tập đối với sinh viên khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh Trường Đại học An Giang nhận thức về chất lượng sống của sinh viên đại học (QCL), trong đó các tác động gián tiếp thông qua biến trung gian là động cơ học tập. Tâm lý vượt khó trong học tập là một yếu tố dự báo quan trọng của sinh viên về chất lượng sống của sinh viên khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh Trường Đại học An Giang, và nó có tác động mạnh mẽ đối với động cơ học tập của sinh viên. Động cơ học tập cũng đóng một vai trò trong việc dự đoán QCL.

Kết quả nghiên cứu này đem lại một số hàm ý cho Ban Quản trị của Trường Đại học An Giang:

Tâm lý vượt khó trong học tập của sinh viên cùng với với động cơ học tập có ảnh hưởng tương đối mạnh đến chất lượng sống sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy tầm quan trọng của động cơ học tập cũng như tâm lý vượt khó đến chất lượng sống của sinh viên. Cụ thể, Trường đại học An Giang có thể tổ chức các chương trình đào tạo năng lực vượt khó cho sinh viên như các khóa học tín chỉ thông thường hoặc các khóa học không có tín chỉ để trang bị cho sinh viên những thái độ và kỹ năng chịu đựng được gian khó. Các chương trình này có thể giúp tăng chất lượng sống cho sinh viên và tăng cường động cơ học tập của họ.

Bên cạnh đó, bản thân sinh viên phải đầu tư nghiên cứu nhiều tài liệu từ khóa học, dành nhiều thời gian cho việc học tập, cố gắng và nỗ lực hết mình cho việc học tập tại trường đại học. Nghiên cứu về giáo dục chỉ ra rằng việc học tại trường đại học là một trong những nguyên nhân gây ra sự căng thẳng Noe (1986), Cole và cs., (2004a), Furr và cs., (2001).

Trong suốt quá trình sống và học tập, sinh viên không chỉ tập trung vào những hoạt động giáo dục như là đọc sách, bài tập, đồ án, những kỳ kiểm tra, mà họ còn xoay sở những vấn đề cá nhân như là tài chính, làm việc bán thời gian và các hoạt động xã hội. Tâm lý vượt khó trong học tập đóng một vai trò quan trọng trong suốt quá trình học tập. Sinh viên có tâm lý vượt khó trong học tập và động cơ học tập cao sẽ sử dụng thời gian và nỗ lực của họ vào việc học. Bên cạnh đó, theo Maddi (2002), các chương trình đánh giá và đào tạo khả năng vượt khó của sinh viên đã chứng tỏ thành công trong việc nuôi dưỡng các kỹ năng và thái độ chịu đựng được gian khổ.

Cuối cùng mô hình lý thuyết về động cơ học tập và tâm lý vượt khó trong học tập đã góp phần bổ sung vào hệ thống lý thuyết chất lượng sống của sinh viên. Các nhà nghiên cứu hàn lâm ở Việt Nam có thể xem mô hình này như một mô hình tham khảo cho các nghiên cứu của mình.

5. HẠN CHẾ CỦA BÀI VIẾT

Nghiên cứu chỉ được thực hiện tại Trường Đại học An Giang, cụ thể tại Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, do đó tính đại diện còn hạn chế. Nghiên cứu chọn mẫu phi xác suất với kỹ thuật lấy mẫu thuận tiện, vì vậy tính đại diện không cao. Ngoài các yếu tố giá trị cảm nhận (giá trị hình ảnh và giá trị tri thức), động cơ học tập và tâm lý vượt khó trong học tập có thể còn các yếu tố khác thuộc về tâm lý của sinh viên như lạc quan, tự tin và hy vọng cũng tác động đến chất lượng sống sinh viên ngành kinh tế. Do đó, các yếu tố này nên được xem xét cho các nghiên cứu trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cha, K. H. (2003). Subjective well-being among college students. *Social Indicators Research*, 62(1), 455-477.
- Chow, H. P. H. (2005). Life satisfaction among university students in a Canadian prairie city: A multivariate analysis. *Social Indicators Research*, 70(2), 139-150.
- Cole, M. S., Field, H. S., & Harris, S. G. (2004a). Student learning motivation and psychological hardiness: Interactive effects on students' reactions to a management class. *Academy of Management Learning and Education*, 3(1), 64-85.
- Bitner, M. J. (1992). Servicescapes: the impact of physical surroundings on customers and employees. *Journal of Marketing*, 56, 57-71.
- Furr, S. R., Westefeld, J. S., McConnell, G. N., & Jenkins, J. M. (2001). Suicide and depression among college students: A decade later. *Professional Psychology: Research and Practice*, 32, 97-100.
- Maddi, S. R. (1999). Comments on trends in hardiness research and theorizing. *Consulting Psychology Journal: Practice & Research*, 51, 67-71.
- Maddi, S. R. (2002). The story of hardiness: Twenty years of theorizing, research and practice. *Consulting Psychology Journal*, 54(3), 175-185.
- Noe, R. A. (1986). Trainees' attributes and attitudes: Neglected influences on training effectiveness. *Academy of Management Review*, 11(4), 736-749.
- Lê Thị Thu Diễm. & Nguyễn Thị Thúy Loan. & Phạm Thị Thu Hiền. & Cô Hồng Liên. (2018). Tác động của khả năng vượt khó đến hiệu quả học tập, chất lượng cuộc sống, chất lượng cuộc sống đại học của sinh viên khối ngành kinh tế - trường Đại học Trà Vinh. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Trà Vinh*, 32, 1-11.
- Parasuraman, A., Zeithaml, V. A. & Berry, L. L. (1994). Reassessment of expectations as a

- comparison standard in measuring service quality: implications for further research. *Journal of Marketing*, 58, 11-24.
- Pintrich, P. R. (2003). Motivation and classroom learning. In W. M. Reynolds & G. E. Miller (Eds.), *Handbook of psychology*, 103-122.
- Trang, M. T. N. & Tho, D. N. (2010). Determinants of learning performance of business students in a transitional market. *Quality Assurance in Education*, 18(4), 304-316.
- Tho, D. N. (2009). Signal quality and service quality: A study of local and international MBA programs in Vietnam. *Quality Assurance in Education*, 17(4), 364-376.
- Tho, D. N., Clifford, J. S. & Daniel, W. (2011). Psychological Hardiness in Learning and Quality of College Life of Business Students: Evidence from Vietnam. *Journal of Happiness Studies*, 13.
- Zeithaml, V. A., Berry, L. L. & Parasuraman, A. (1996). The behavioral consequences of service quality, *Journal of Marketing*, 60, 31-46.